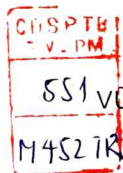


MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

SINH THÁI HỌC NHÂN VĂN





VŨ QUANG MẠNH (Chủ biên) - HOÀNG DUY CHÚC

MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI SINH THÁI HỌC NHÂN VĂN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	7
Lời nói đầu	9
 Chương 1. CÁC KHÁI NIỆM SINH THÁI HỌC CƠ BẢN	
1. Khoa học Sinh thái	11
1.1. Khái niệm chung	11
1.2. Đối tượng và vai trò của Sinh thái học	11
1.3. Lịch sử phát triển	14
1.4. Sinh thái học đất (<i>Soil Ecology</i>) hướng tiếp cận môi trường đất	19
1.5. Tiếp cận Sinh thái học.....	22
2. Nội dung và vị trí của Sinh thái học	23
3. Những khái niệm cơ bản	28
3.1. Khái niệm môi trường	28
3.2. Cấu trúc của môi trường	29
3.3. Ngoại cảnh và sinh cảnh (<i>Biotope</i>)	32
3.4. Sự thích nghi của sinh vật sống	32
3.5. Vùng chuyển tiếp (<i>Ecotone</i>) và chỉ thị sinh học (<i>Bioindication</i>)	33
3.6. Vùng khí hậu và cơ chế điều hoà các yếu tố sinh thái	34
3.7. Quy luật tối thiểu Liebig (1840)	35
3.8. Quy luật giới hạn Sinh thái Shelford (1911).....	36
 Chương 2. CÁC YẾU TỐ SINH THÁI CỦA MÔI TRƯỜNG	
1. Yếu tố sinh thái của môi trường	40
2. Yếu tố giới hạn của môi trường	42
2.1. Khái niệm yếu tố giới hạn	42
2.2. Phân loại yếu tố giới hạn	43
3. Yếu tố sinh thái vô sinh	44
3.1. Yếu tố ánh sáng	44
3.2. Yếu tố nhiệt độ	57
3.3. Vai trò của nhiệt độ đối với động vật	67
3.4. Nước và độ ẩm	74
3.5. Yếu tố không khí	88
3.6. Một số yếu tố sinh thái vô sinh khác	97

4. Yếu tố sinh thái hữu sinh	100
4.1. Khái niệm quan hệ giữa các sinh vật sống	100
4.2. Quan hệ tương tác cùng hỗ trợ nhau	101
4.3. Quan hệ tương tác không ảnh hưởng lẫn nhau	102
4.4. Quan hệ tương tác kìm hãm và đối chọi nhau	106

Chương 3. LOÀI NGƯỜI SINH HỌC TRONG HỆ SINH THÁI TỰ NHIÊN

1. Nơi sống, ổ sinh thái và tương đồng sinh thái	106
1.1. Nơi sống	106
1.2. Ổ sinh thái	107
1.3. Tương đồng sinh thái	109
2. Loài sinh vật và nhịp sinh học	110
2.1. Chọn lọc tự nhiên và loài sinh học	110
2.2. Loài đồng hình (<i>Allopatric</i>)	111
2.3. Loài dị hình	111
2.4. Chọn lọc nhân tạo	112
2.5. Thuần hoá	112
2.6. Nhịp sinh học và hiện tượng học (<i>Phenology</i>)	113
2.7. Nhịp sinh học năm	114
2.8. Nhịp sinh học tuần trăng	116
2.9. Nhịp sinh học thủy triều	116
2.10. Nhịp sinh học ngày đêm	117
3. Nguồn gốc sinh học của loài người	119
3.1. Những loài vượn người nguyên thủy	119
3.2. Những loài người vượn cổ đại	121
3.3. Loài người khéo léo (<i>Homo habilis</i>)	123
3.4. Loài người đứng thẳng (<i>Homo erectus</i>)	124
3.5. Loài người cổ (<i>Homo sapiens</i>)	126
3.6. Loài người hiện đại (<i>Homo sapiens sapiens</i>)	127
3.7. Đặc điểm hình thái giải phẫu của loài người	129
3.8. Đặc điểm tiến hoá của loài người so với các nhóm tổ tiên	130
3.9. Yếu tố tự nhiên và xã hội ảnh hưởng tới tiến hóa của loài người	132
3.10. Vị trí phân loại và các chủng tộc loài người hiện đại	134
3.11. Tính phân khoa học của thuyết phân biệt chủng tộc	136
3.12. Bản chất sinh học của loài người	138
4. Quần thể người trong hệ sinh thái	142
4.1. Loài người trong hệ sinh thái	142

4.2. Cân bằng và thích nghi trong hệ sinh thái	143
4.3. Năng suất sinh học và dinh dưỡng trong hệ sinh thái	144
4.4. Hình thái sản xuất kinh tế của loài người trong hệ sinh thái	146
5. Dân số và phát triển bền vững hệ sinh thái	151
5.1. Khái niệm dân số	151
5.2. Sinh sản của loài người trong hệ sinh thái	151
5.3. Tuổi thọ và tử vong của loài người trong hệ sinh thái	154
5.4. Dân số và biến đổi của cấu trúc dân số	155
5.5. Tháp tuổi và cấu trúc dân số	157
5.6. Phát triển quá độ dân số và lý luận Marx, Engel và Lenin về dân số	159
5.7. Dân số và phát triển bền vững	160
6. Phân bố của loài người trong hệ sinh thái	162
6.1. Khái niệm phân bố của loài người	162
6.2. Phân bố của loài người và các yếu tố chi phối	163
6.3. Phân bố và tăng dân số	164
6.4. Tăng dân số qua các giai đoạn phát triển xã hội	164
6.5. Cấu trúc dân số của hệ sinh thái Trái Đất	166
6.6. Cấu trúc dân số và nguồn gốc dân tộc Việt Nam	169

Chương 4. CON NGƯỜI TRONG HỆ SINH THÁI NHÂN VĂN

1. Cơ sở xã hội của môi trường sinh thái nhân văn	175
1.1. Khái niệm	175
1.2. Môi trường xã hội trong hệ sinh thái nhân văn	176
2. Sinh thái xã hội (Social Ecology)	178
2.1. Sinh thái học xã hội	178
2.2. Cơ sở xã hội của Sinh thái học nhân văn	179
2.3. Vấn đề xã hội của Sinh thái học nhân văn	181
3. Con người xã hội trong hệ sinh thái	184
3.1. Con người là yếu tố cấu thành của hệ sinh thái nhân văn	184
3.2. Con người là yếu tố xây dựng của hệ sinh thái nhân văn	186
3.3. Con người có nhận thức trong hệ sinh thái nhân văn	188
3.4. Điều chỉnh nhận thức của con người trong hệ sinh thái nhân văn	189
3.5. Tự nhiên, con người và xã hội trong hệ sinh thái nhân văn	191
3.6. Từ con người sinh học đến con người xã hội	195

4. Tình thời đại của Sinh thái học nhân văn	197
4.1. Vấn đề của Sinh thái học nhân văn	197
4.2. Tiếp cận Sinh thái học nhân văn.....	197
4.3. Xây dựng ý thức Sinh thái nhân văn	199
5. Vấn đề phát triển bền vững hệ sinh thái nhân văn	201
5.1. Khái niệm phát triển bền vững	201
5.2. Lỗ thủng tầng ozon	202
5.3. Hiệu ứng nhà kính	204
5.4. Mưa axit	206
5.5. Suy kiệt tài nguyên rừng	207
5.6. Hệ sinh thái thủy vực	210
5.7. Ô nhiễm môi trường không khí, đất và nước	212
5.8. Tài nguyên đa dạng sinh học	216
5.9. Dân số và môi trường	217

Chương 5. QUYỀN TRÍ TUỆ VÀ NỀN KINH TẾ TRÍ THỨC

1. Sự phát triển của sinh quyển	220
1.1. Khí quyển (<i>Atmosphere</i>), thạch quyển (<i>Lithosphere</i>) và thủy quyển (<i>Hydrosphere</i>)	220
1.2. Sinh quyển (<i>Biosphere</i>)	225
1.3. Nhân quyển (<i>Anthroposphere</i>).....	229
1.4. Trí tuệ quyển (<i>Noosphere</i>).....	233
2. Khoa học Sinh thái học nhân văn (<i>Human Ecology</i>)	237
2.1. Con người trong hệ sinh thái tự nhiên (<i>Natural Ecosystem</i>)	237
2.2. Con người trong hệ sinh thái nông nghiệp (<i>Agricultural Ecosystem</i>)	241
2.3. Con người trong hệ sinh thái đô thị (<i>Urban Ecosystem</i>)	245
2.4. Khoa học Sinh thái học nhân văn (<i>Human Ecology</i>).....	251
2.5. Con người trở về tự nhiên trong hệ sinh thái nhân văn	253
3. Kinh tế tri thức trong hệ sinh thái nhân văn (<i>Knowledge - Based Economy</i>)	255
3.1. Khái niệm kinh tế tri thức (<i>Knowledge - Based Economy</i>)	255
3.2. Nội dung của kinh tế tri thức	257
3.3. Đặc trưng của kinh tế tri thức	258
3.4. Kinh tế tri thức trong thời đại toàn cầu hóa	261
Tài liệu tham khảo chính	264

LỜI GIỚI THIỆU

Con người vốn có nguồn gốc sinh học, đã dần thoát khỏi thế giới tự nhiên để sống trong xã hội nhân văn và mang thêm bản tính xã hội. Con người đã trở thành yếu tố ưu thế và chi phối, với tham vọng mãnh liệt là khai thác và thống trị thế giới tự nhiên. Ngày nay, tác động của con người lên tự nhiên đã trở nên khốc liệt và hệ sinh thái nhân văn phải đối mặt với hàng loạt vấn đề khủng hoảng môi trường sâu sắc, như hiệu ứng nhà kính, Trái Đất nóng lên, nước biển dâng cao, an toàn lương thực và năng lượng v.v..., cùng nhiều vấn đề xã hội khác. Đó cũng là yêu cầu cấp thiết mà con người trí tuệ sống trong xã hội nhân văn cần giải quyết. Tiếp tục phát triển hay tự tiêu vong, xã hội nhân văn đang đứng trước giai đoạn phát triển của Trí tuệ quyền. Khi này, xã hội loài người đã đạt bước chuyển mới về chất, tiến đến sự tự nhận thức. Trí tuệ quyền chỉ trở thành hiện thực khi con người trở thành yếu tố xây dựng và có ý thức sống hài hoà với các quy luật tự nhiên. Con người có xu hướng trở lại tự nhiên trong hệ sinh thái nhân văn.

Trong lịch sử phát triển triết học phương Đông ở Trung Hoa cổ đại, thời Xuân Thu - Chiến Quốc, những năm 770-575 trước CN, Lão Tử đã từng đề xướng học thuyết "Vô vi". Theo đó, triết gia này đã chủ trương con người nên sống với thiên nhiên, giữ bản tính tự nhiên của mình và vạn vật. Sống vô vi nghĩa là sống và hành động theo lẽ tự nhiên, không can thiệp vào hệ Sinh thái tự nhiên, sống hòa hợp với đất trời. Vào thế kỉ XVIII, Jean Jacques Rousseau (1712-1778), triết gia phương Tây quan niệm rằng, bản chất con người là hướng thiện, nhưng xã hội cơ học đã làm con người hư hỏng và bất hạnh. Ông cho rằng, con người nguyên thủy thì hạnh phúc, còn con người văn minh lại bất hạnh. Chính Karl Marx và Friedrich Engels đã nêu lên, bản chất con người tự nhiên chỉ tồn tại đối với xã hội, và chỉ có trong xã hội, tự nhiên mới hiện ra như là cơ sở tồn tại có tính chất người của bản thân con người. Như vậy, không phải ngẫu nhiên khi cả phương Đông lẫn phương Tây đều có những triết gia đã chủ trương, con người trở về với tự nhiên, con người phải sống hài hòa và cân bằng với tự nhiên. Và bộ môn

khoa học Sinh thái nhân văn hiện đại đã được hình thành từ giữa những năm 50 của thế kỉ XX, với chuyên khảo đặt nền móng của học giả Hoa Kỳ Amos H. Hawley (1950).

Để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và giảng dạy bậc đại học và sau đại học chuyên ngành Sinh học, Giáo dục chính trị, Triết học, sư phạm và các chuyên ngành liên quan, các tác giả Vũ Quang Mạnh và Hoàng Duy Chúc đã dành nhiều tâm huyết và công sức để hoàn thành giáo trình "*Con người trong hệ sinh thái nhân văn*". Giáo trình được biên soạn trên cơ sở hai giáo trình "*Sinh thái học người*" (Vũ Quang Mạnh, 1994) và "*Môi trường và con người - Sinh thái nhân văn*" (Hoàng Duy Chúc, 2004), đã được giảng dạy chính thức trong nhiều năm tại Khoa Sinh học và Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Nội dung xuyên suốt của giáo trình mà bạn đọc có trong tay chính là khảo sát, phân tích và giải quyết các mối quan hệ tương tác của con người trong hệ thống "Con người - Tự nhiên - Xã hội", liên quan đến sự phát triển bền vững của hệ sinh thái nhân văn.

Được biên soạn lần đầu, chắc rằng giáo trình khó tránh khỏi những sai sót và hạn chế, mong bạn đọc có nhiều ý kiến đóng góp để các tác giả có thể hoàn thiện nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu nghiên cứu và giảng dạy của Khoa Sinh học và khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Trân trọng giới thiệu cuốn giáo trình quan trọng và rất có giá trị tham khảo này.

PGS.TS. NGUYỄN VĂN CƯ